

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

(Ban hành theo Quyết định số 1102 /QĐ-ĐHKH, ngày 03 / 6 /2025

của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học, ĐHTN)

Tên chương trình đào tạo bằng tiếng Việt: Quản trị truyền thông

Tên chương trình đào tạo bằng tiếng Anh: Communication management

Ngành đào tạo: Báo chí

Mã ngành: 7320101

Trình độ đào tạo: Đại học

Loại hình đào tạo: Chính quy

Văn bằng tốt nghiệp: Cử nhân Báo chí

1. QUY ĐỊNH CHUNG

1.1. Thời gian đào tạo: 3,5 năm

1.2. Đối tượng tuyển sinh

Người đã tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương

1.3. Thang điểm, quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Theo Quy chế đào tạo trình độ đại học hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

2.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo Quản trị truyền thông của Khoa Báo chí – Truyền thông, Trường Đại học Khoa học – Đại học Thái Nguyên được thiết kế dựa trên cơ sở tuân thủ các quy định hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 về Khung trình độ Quốc gia Việt Nam; Thông tư 05/2015/TT-BGDĐT ngày 16/5/2012 quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà sinh viên đạt được sau khi tốt nghiệp với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ), của Đại học Thái Nguyên (Quyết định số 691/QĐ-ĐHTN ngày 17/4/2018 Quy định phát triển chương trình đào tạo trình độ đại học của Đại học Thái Nguyên; Quyết định số 1192/QĐ-ĐHTN ngày 7/6/2018 về Quy trình đảm bảo chất lượng chương trình đào tạo tại Đại học Thái Nguyên).

CTĐT Quản trị truyền thông được thiết kế gồm 126 tín chỉ, thời gian đào tạo được rút ngắn 3 năm rưỡi, hướng tới đào tạo người học toàn diện cả về kiến thức chuyên môn, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm, phù hợp với mục tiêu phát triển năng lực chủ động, sáng tạo của người học, tích hợp phát triển kiến thức chuyên môn và kỹ năng nghiệp vụ,

tạo điều kiện thuận lợi cho người học có thể đảm nhận công việc phù hợp với chuyên ngành đào tạo trong tương lai, cũng như cơ hội học tập nâng cao trình độ.

Chương trình đào tạo Quản trị truyền thông được xây dựng theo hướng mở, với 2 chuyên ngành là quản trị sự kiện và báo chí – truyền thông số, hướng tới mục tiêu chung là đào tạo nhân lực chất lượng cao được trang bị đầy đủ kiến thức, kỹ năng cần thiết để trở thành một chuyên gia truyền thông của các doanh nghiệp/công ty truyền thông, có khả năng tác nghiệp trong môi trường báo chí truyền thông hiện đại; sinh viên có thể trở thành phóng viên, biên tập viên tại các tòa soạn báo, tạp chí, hãng tin, đài phát thanh, đài truyền hình, báo mạng điện tử.

2.2. Mục tiêu cụ thể

2.2.1. Về kiến thức

CO1: Người học nắm vững kiến thức cơ bản về lý luận chính trị, khoa học xã hội, pháp luật, văn hóa, ngoại ngữ, và công nghệ thông tin, giúp phát triển phẩm chất chính trị, đạo đức, tư duy logic, khả năng giao tiếp quốc tế, và sử dụng công nghệ, từ đó đáp ứng yêu cầu thích ứng với môi trường làm việc đa dạng trong lĩnh vực báo chí và truyền thông.

CO2: Người học hiểu sâu về lý thuyết báo chí, ngôn ngữ truyền thông, đạo đức nghề nghiệp, quan hệ công chúng, và quảng cáo, hình thành nền tảng vững chắc để phân tích, sáng tạo, và sản xuất các sản phẩm báo chí đa dạng, đáp ứng các yêu cầu của ngành truyền thông hiện đại.

CO3: Người học nắm vững kiến thức chuyên sâu về tổ chức sự kiện, sản xuất nội dung phát thanh, truyền hình, báo điện tử, và quảng cáo trên mạng xã hội, bao gồm kỹ thuật, công nghệ, và quy trình sản xuất, đáp ứng xu hướng phát triển của truyền thông số và quản trị sự kiện trong kỷ nguyên số.

2.2.2. Về kỹ năng

CO4: Người học sử dụng thành thạo các công cụ công nghệ thông tin để thiết kế và quản trị nội dung số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong sáng tạo nội dung, và giao tiếp bằng ngoại ngữ ở mức cơ bản để đọc hiểu tài liệu kỹ thuật và làm việc trong môi trường quốc tế.

CO5: Người học thành thạo các kỹ năng thực hành như phỏng vấn, chụp ảnh, thiết kế đồ họa, sản xuất nội dung phát thanh, truyền hình, và báo điện tử, đảm bảo tạo ra các sản phẩm truyền thông đa phương tiện chất lượng cao, đáp ứng tiêu chuẩn nghề nghiệp.

CO6: Người học vận dụng hiệu quả các kỹ năng tổ chức, quản lý sự kiện, xây dựng chiến lược quảng cáo, quản trị thương hiệu, và phân tích nhu cầu thị trường, từ đó triển khai các dự án truyền thông sáng tạo và hiệu quả.

CO7: Người học phát triển khả năng nghiên cứu độc lập, tư duy sáng tạo, làm việc nhóm đa ngành, và xây dựng các dự án khởi nghiệp trong lĩnh vực truyền thông, đồng thời cập nhật các xu hướng công nghệ và kỹ thuật mới để nâng cao hiệu quả công việc.

2.2.3. Mục tiêu về mức độ tự chủ và trách nhiệm

CO8: Người học có ý thức trách nhiệm về đạo đức nghề nghiệp, tuân thủ pháp luật, và đảm bảo tính trung thực trong sản xuất và truyền tải thông tin, góp phần xây dựng niềm tin với công chúng và phát triển văn hóa tổ chức tích cực.

CO9: Người học có khả năng giải quyết các vấn đề phát sinh trong hoạt động truyền thông, đề xuất giải pháp sáng tạo để tối ưu hóa quy trình sản xuất, và thích ứng với sự thay đổi của công nghệ, quy định pháp lý, và nhu cầu thị trường.

3. VỊ TRÍ VIỆC LÀM SAU KHI TỐT NGHIỆP

Sau khi tốt nghiệp, cử nhân Báo chí, chuyên ngành Quản trị truyền thông có năng lực đảm nhận các vị trí sau: Người được đào tạo có khả năng đảm nhiệm các vị trí việc làm sau đây:

3.1. Báo chí và Truyền thông đa phương tiện

- **Phóng viên, biên tập viên đa phương tiện:** Làm việc tại các cơ quan báo chí, tạp chí, hăng tin, đài phát thanh, đài truyền hình, hoặc báo điện tử, thực hiện các nhiệm vụ như thu thập thông tin, viết bài, sản xuất nội dung âm thanh, hình ảnh, và video đáp ứng yêu cầu truyền thông hiện đại.

- **Chuyên viên sản xuất nội dung số:** Sáng tạo và biên tập nội dung đa phương tiện (video, podcast, bài viết) cho các nền tảng báo chí trực tuyến và mạng xã hội, đảm bảo nội dung thu hút và phù hợp với đối tượng mục tiêu.

- **Chuyên viên phân tích dữ liệu truyền thông:** Sử dụng công cụ phân tích dữ liệu để đánh giá hiệu quả các chiến dịch truyền thông, tối ưu hóa nội dung và chiến lược truyền thông số.

3.2. Quản trị sự kiện và Quan hệ công chúng

- **Chuyên viên tổ chức sự kiện:** Lập kế hoạch, quản lý, và thực hiện các sự kiện truyền thông, văn hóa, hoặc thương mại, từ hội nghị, triển lãm đến các chương trình quảng bá thương hiệu.

- **Chuyên viên quan hệ công chúng (PR):** Xây dựng và duy trì hình ảnh thương hiệu cho các tổ chức, doanh nghiệp, hoặc cơ quan chính phủ, thông qua việc thiết kế chiến lược truyền thông và quản lý mối quan hệ với công chúng.

- **Chuyên viên gây quỹ và vận động tài trợ:** Phát triển các chương trình gây quỹ, tìm kiếm nhà tài trợ, và quản lý nguồn lực tài chính cho các dự án truyền thông hoặc sự kiện.

3.3. Marketing và Truyền thông thương hiệu

- **Chuyên viên marketing số:** Thiết kế và triển khai các chiến dịch quảng cáo trên mạng xã hội (Facebook, TikTok, Instagram), tối ưu hóa ngân sách và đo lường hiệu quả chiến dịch để tăng cường sự tương tác và chuyển đổi.

- **Chuyên viên quản trị thương hiệu:** Xây dựng và quản lý bộ nhận diện thương hiệu, đảm bảo tính nhất quán và hiệu quả trong việc truyền tải thông điệp thương hiệu đến khách hàng mục tiêu.

- **Chuyên viên nội dung sáng tạo:** Sản xuất nội dung quảng cáo (video, hình ảnh, văn bản) cho các chiến dịch marketing, kết hợp với công nghệ trí tuệ nhân tạo để tối ưu hóa quy trình sáng tạo.

3.4. Nghiên cứu và giảng dạy

- **Cán bộ nghiên cứu truyền thông:** Làm việc tại các viện nghiên cứu hoặc trung tâm truyền thông, nghiên cứu các xu hướng truyền thông số, báo chí đa phương tiện, và tác động của truyền thông đến xã hội.

- **Giảng viên chuyên ngành báo chí – truyền thông:** Giảng dạy tại các trường đại học, cao đẳng về các lĩnh vực như báo chí, truyền thông số, hoặc quản trị sự kiện, đồng thời tham gia đào tạo các khóa ngắn hạn về kỹ năng truyền thông.

- **Chuyên gia đào tạo kỹ năng truyền thông:** Cung cấp các chương trình đào tạo chuyên sâu về kỹ năng phỏng vấn, viết báo, hoặc quản lý khủng hoảng truyền thông cho các tổ chức và doanh nghiệp.

3.5. Khởi nghiệp và kinh doanh truyền thông

- **Nhà sáng lập/đồng sáng lập công ty truyền thông:** Phát triển các startup trong lĩnh vực truyền thông số, sản xuất nội dung, hoặc tổ chức sự kiện, tận dụng các kỹ năng sáng tạo và quản lý từ chương trình đào tạo.

- **Quản lý dự án truyền thông:** Điều phối các dự án truyền thông đa phương tiện cho các công ty, tổ chức phi chính phủ, hoặc cơ quan chính phủ, đảm bảo hiệu quả và đúng tiến độ.

- **Chuyên viên kinh doanh dịch vụ truyền thông:** Làm việc tại các công ty truyền thông hoặc quảng cáo, tư vấn và cung cấp các giải pháp truyền thông phù hợp với nhu cầu của khách hàng.

3.6. Học tập nâng cao

- **Học sau đại học:** Tiếp tục học tập ở các chương trình thạc sĩ, tiến sĩ chuyên ngành Báo chí, Truyền thông, hoặc các lĩnh vực liên quan như: Quan hệ công chúng, Marketing số, hoặc Truyền thông đa phương tiện...

- **Tham gia các chương trình đào tạo quốc tế:** Tận dụng kiến thức ngoại ngữ và kỹ năng công nghệ thông tin để tiếp cận các khóa học hoặc chứng chỉ quốc tế về truyền thông số, quản trị thương hiệu, hoặc báo chí đa phương tiện.

4. CHUẨN ĐẦU RA VÀ THANG TRÌNH ĐỘ NĂNG LỰC

* Điểm mức độ yêu cầu theo thang năng lực Bloom: Kiến thức (1-6), Kỹ năng (1-5), Mức độ tự chủ và trách nhiệm (1-5)

4.1. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

* Điểm mức độ yêu cầu theo thang năng lực Bloom Taxonomy (Anderson, L.W., & Krathwohl, D.R. 2001): Kiến thức (1-6), Kỹ năng (1-5), Mức năng lực tự chủ và trách nhiệm (1-5)

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra	Trình độ năng lực
1.	Kiến thức	
PLO1	Hiểu và áp dụng được kiến thức giáo dục đại cương về lý luận chính trị, khoa học xã hội, pháp luật, văn hóa, ngoại ngữ, và công nghệ thông tin, đáp ứng yêu cầu phát triển phẩm chất chính trị, đạo đức, tư duy logic, và khả năng thích ứng với môi trường làm việc đa dạng trong lĩnh vực truyền thông.	3
PLO2	Áp dụng được kiến thức nền tảng về lý thuyết báo chí, ngôn ngữ truyền thông, đạo đức nghề nghiệp, quan hệ công chúng, và quảng cáo để phân tích, sáng tạo, và sản xuất các sản phẩm báo chí đa dạng, đáp ứng yêu cầu của ngành truyền thông hiện đại.	4
PLO3	Vận dụng được kiến thức chuyên sâu về tổ chức sự kiện, sản xuất nội dung phát thanh, truyền hình, báo điện tử, và quảng cáo trên mạng xã hội, bao gồm kỹ thuật, công nghệ, và quy trình sản xuất, để đáp ứng xu hướng phát triển của truyền thông số và quản trị sự kiện.	5
2.	Kỹ năng	
PLO4	Sử dụng thành thạo công nghệ thông tin trong thiết kế và quản trị nội dung số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong sáng tạo nội dung, và giao tiếp bằng ngoại ngữ ở mức cơ bản để đọc hiểu tài liệu kỹ thuật và làm việc trong môi trường quốc tế.	3
PLO5	Thực hiện thành thạo các kỹ năng thực hành báo chí và truyền thông như phỏng vấn, chụp ảnh, thiết kế đồ họa, sản xuất nội dung phát thanh, truyền hình, và báo điện tử, đảm bảo tạo ra các sản phẩm truyền thông đa phương tiện chất lượng cao.	4

CHIAO
YÊN

PLO6	Vận dụng hiệu quả các kỹ năng tổ chức sự kiện, xây dựng chiến lược quảng cáo, quản trị thương hiệu, và phân tích nhu cầu thị trường để triển khai các dự án truyền thông sáng tạo và hiệu quả.	4
PLO7	Xây dựng và quản lý các dự án khởi nghiệp trong lĩnh vực truyền thông, phát triển kỹ năng nghiên cứu độc lập, tư duy sáng tạo, và làm việc nhóm đa ngành, đồng thời cập nhật xu hướng công nghệ và kỹ thuật mới.	5
3.	Mức độ tự chủ và trách nhiệm	
PLO8	Thể hiện ý thức trách nhiệm về đạo đức nghề nghiệp, tuân thủ pháp luật, và đảm bảo tính trung thực trong sản xuất và truyền tải thông tin, góp phần xây dựng niềm tin với công chúng và phát triển văn hóa tổ chức tích cực.	4
PLO9	Giải quyết các vấn đề phát sinh trong hoạt động truyền thông, đề xuất giải pháp sáng tạo để tối ưu hóa quy trình sản xuất, và thích ứng với sự thay đổi của công nghệ, quy định pháp lý, và nhu cầu thị trường.	5

4.2. Thang trình độ năng lực

Trình độ năng lực (TĐNL)		Mô tả ngắn
TĐNL ≤ 1.0	Cơ bản	Nhớ: Người học ghi nhớ/nhận ra/nhớ lại được kiến thức bằng việc đưa ra các định nghĩa, liệt kê, nhận diện, xác định các kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở ngành và kiến thức chuyên ngành liên quan đến lĩnh vực báo chí truyền thông.
$1.0 < \text{TĐNL} \leq 2.0$	Đạt yêu cầu	Hiểu: Người học tự giải thích, phân loại, minh họa, suy luận được kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở ngành và kiến thức chuyên ngành từ các tài liệu liên quan đến lĩnh vực báo chí truyền thông.
$2.0 < \text{TĐNL} \leq 3.0$		Áp dụng: Người học thực hiện/áp dụng kiến thức để tạo ra được các sản phẩm như mô hình, các bảng, biểu, bài báo cáo, sản phẩm báo chí - truyền thông.

$3.0 < \text{TĐNL} \leq 4.0$	Thành thạo	Phân tích: Người học phân tích, phân loại, so sánh, tổng hợp thông tin, tài liệu, sản phẩm truyền thông.
$4.0 < \text{TĐNL} \leq 5.0$		Đánh giá: Người học đưa ra được nhận định, dự báo nhận xét, phản biện, đề xuất kiến thức, kỹ năng, thông tin trong lĩnh vực báo chí truyền thông.
$5.0 < \text{TĐNL} \leq 6.0$	Xuất sắc	Sáng tạo: Người học đề xuất, sắp xếp, tổ chức, thiết kế mô hình, quy trình tạo ra sản phẩm báo chí - truyền thông.

5. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA: 126 tín chỉ (Không bao gồm khối kiến thức Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng - an ninh).

6. PHÂN BỐ KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA

Nội dung	Số tín chỉ (%)	Số tín chỉ bắt buộc	Số tín chỉ tự chọn
Kiến thức giáo dục đại cương (11 học phần)	29 (23%)	29	0
Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	97 (77%)	85	12
Kiến thức nhóm ngành và cơ sở ngành (19 học phần)	57 (45,2%)	45	12
Kiến thức chuyên ngành (4 học phần)	12 (9,5%)	12	0
Kiến thức công nghệ thông tin và chuyển đổi số (5 học phần)	15 (11,9%)	15	0
Nghịệp vụ, thực tập, thực tế chuyên môn	6(4,8%)	6	0
Khóa luận TN hoặc HP thay thế	7 (5,5%)	7	0
Tổng	126 (100%)	114	12

7. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

STT	Mã học phần	TÊN HỌC PHẦN	Số TC	Loại giờ (LT-HĐTL/ TL/TH-TN/ TH)	HP tiên quyết; học trước
1	Khối kiến thức giáo dục đại cương		29		
1.1.1	MLT131	Triết học Mác - Lênin	3	45/0/0/90	
1.1.2	EIM121	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30/0/0/60	
1.1.3	HCM121	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30/0/0/60	MLT131
1.1.4	JFG121	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	30/0/0/60	MLT131
1.1.5	HKM121	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30/0/0/60	MLT131
1.1.6	LIW121	Pháp luật đại cương	2	30/0/0/60	
1.1.7	SUM231	Ý tưởng, sáng tạo và khởi nghiệp	3	45/0/0/90	
1.1.8	VCF332	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	45/0/0/90	
1.1.9	ENG141	Tiếng Anh 1	4	45/0/0/90	
1.1.10	ENG132	Tiếng Anh 2	3	45/0/0/90	ENG141
1.1.11	ENG133	Tiếng Anh 3	3	45/0/0/90	ENG132
2	Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		97		
2.1	Khối kiến thức nhóm ngành và cơ sở ngành		57		
Bắt buộc			42		
2.1.1	GES132	Xã hội học đại cương	3	45/0/0/90	
2.1.2	CTO332	Kỹ năng giao tiếp	3	45/0/0/90	
2.1.3	SAM231	Truyền thông vận động xã hội	3	45/0/0/90	
2.1.4	PVN331	Tiếng Việt thực hành	3	45/0/0/90	

STT	Mã học phần	TÊN HỌC PHẦN	Số TC	Loại giờ (LT-HĐTL/ TL/TH-TN/ TH)	HP tiên quyết; học trước
2.1.5	PHT231	Kỹ thuật nhiếp ảnh	3	30/30/0/90	
2.1.6	GRE231	Kỹ thuật đồ họa	3	30/30/0/90	
2.1.7	VNS631	Quan hệ công chúng	3	30/30/0/90	
2.1.8	PML231	Ngôn ngữ báo chí – truyền thông	3	30/30/0/90	
2.1.9	APP231	Quảng cáo và sản xuất nội dung quảng cáo	3	30/30/0/90	
2.1.10	ICS231	Cơ sở lý luận báo chí truyền thông	3	30/30/0/90	
2.1.11	HFJ431	Kỹ năng phỏng vấn	3	30/30/0/90	
2.1.12	IMC231	Nhập môn truyền thông đa phương tiện	3	30/30/0/90	
2.1.13	LEJ231	Pháp luật và đạo đức báo chí – truyền thông	3	30/30/0/90	
2.1.14	TPW331	Tác phẩm báo chí	3	30/30/0/90	
<i>Tự chọn</i>			15/30		
2.1.15	DKK331	Văn hóa doanh nghiệp *	3	35/0/20/90	
2.1.16	OPA231	Tổ chức hoạt động cơ quan báo chí*	3	30/30/0/90	
2.1.17	NFG231	Nghệ thuật học*	3	45/0/90/180	
2.1.18	BIC231	Xây dựng bộ nhận diện và quản trị thương hiệu*	3	30/30/0/90	
2.1.19	BES231	Kỹ năng tranh biện*	3	0/0/90/180	
2.1.20	SEI231	Kỹ năng khai thác thông tin trên internet	3	45/0/0/90	

STT	Mã học phần	TÊN HỌC PHẦN	Số TC	Loại giờ (LT-HĐTL/ TL/TH-TN/ TH)	HP tiên quyết; học trước
2.1.21	DOC231	Phim tài liệu	3	35/0/20/90	
2.1.22	FJD331	Xã hội học truyền thông đại chúng	3	45/0/0/90	
2.1.23	CAF231	Truyền thông về các loại hình nghệ thuật	3	45/0/0/90	
2.1.24	NWT231	Kỹ thuật viết tin	3	30/30/0/90	
2.2	Khối kiến thức chuyên ngành		12		
2.2.1	Chuyên ngành Quản trị sự kiện		12		
2.2.1.1	EOM231	Tổ chức và quản trị sự kiện	3	30/30/0/90	
2.2.1.2	PRS331	Kỹ năng dẫn chương trình	3	30/30/0/90	
2.2.1.3	EVD331	Đạo diễn sự kiện	3	30/30/0/90	
2.2.1.4	FAS331	Gây quỹ và vận động tài trợ	3	30/30/0/90	
2.2.2	Chuyên ngành Báo chí – truyền thông số		12		
2.2.2.1	RAR431	Sản xuất tác phẩm phát thanh	3	30/0/30/90	
2.2.2.2	GIK331	Sản xuất tác phẩm truyền hình	3	45/0/0/90	
2.2.2.3	TRN231	Kỹ thuật chạy quảng cáo trên mạng xã hội	3	0/0/90/180	
2.2.2.5	ELP331	Báo điện tử	3	30/30/0/90	
2.3	Kiến thức công nghệ thông tin và truyền thông số		15		
2.3.1	GIF131	Tin học đại cương	3	30/0/30/90	
2.3.2	EOM231	Thiết kế và quản trị nội dung website	3	30/30/0/90	



STT	Mã học phần	TÊN HỌC PHẦN	Số TC	Loại giờ (LT-HĐTL/ TL/TH-TN/ TH)	HP tiên quyết; học trước
2.3.3	MPD331	Thiết kế sản phẩm đa phương tiện với trí tuệ nhân tạo	3	30/30/0/90	
2.3.4	SOM231	Truyền thông mạng xã hội	3	45/0/0/90	
2.3.5	WSP331	Kỹ năng viết báo bằng Prompts	3	30/30/0/90	
2.4	Nghệ vụ, thực tập, thực tế chuyên môn		6		
2.4.1	PEC331	Thực tế chuyên môn	3	0/0/90/90	
2.4.2	PEN431	Thực tập tốt nghiệp	3	0/0/90/90	
2.5	Khóa luận TN tốt nghiệp hoặc học phần thay thế		7		
2.5.1	SPA904	Khóa luận tốt nghiệp	7	0/0/210/210	
2.5.2		<i>Học phần thay thế tốt nghiệp</i>	7		
2.5.2.1	GRT431	Chuyên đề tốt nghiệp 1	3	30/30/0/90	
2.5.2.2	GRT442	Chuyên đề tốt nghiệp 2	4	30/60/0/120	
Tổng cộng			126		

8. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY TỪNG KỲ

Học kỳ 1

TT	Mã học phần	TÊN HỌC PHẦN	Số TC	Loại giờ TC (LT-HĐTL/ TL/TH- TN/TH)	HP tiên quyết; học trước
1	PHE131	Giáo dục thể chất 1		30	
2	ENG141	Tiếng Anh 1	4	60/0/0/120	
3	CTO332	Kỹ năng giao tiếp	3	45/0/0/90	

TT	Mã học phần	TÊN HỌC PHẦN	Số TC	Loại giờ TC (LT-HĐTL/ TL/TH- TN/TH)	HP tiên quyết; học trước
4	GES132	Xã hội học đại cương	3	45/0/0/90	
5	GIF131	Tin học đại cương	3	30/0/30/90	
6	ICS231	Cơ sở lý luận báo chí truyền thông	3	30/30/0/90	
7	PVN331	Tiếng Việt thực hành	3	45/0/0/90	
Tổng số tín chỉ			19		

Học kỳ 2

TT	Mã học phần	TÊN HỌC PHẦN	Số TC	Loại giờ TC (LT-HĐTL/ TL/TH- TN/TH)	HP tiên quyết; học trước
1	PHE132	Giáo dục thể chất 2		30	
2	SAM231	Truyền thông vận động xã hội	3	30/30/0/90	
3	ENG132	Tiếng Anh 2	3	45/0/0/90	ENG141
4	MLT131	Triết học Mác - Lênin	3	45/0/0/90	
5	SOM231	Truyền thông mạng xã hội	3	45/0/0/90	
6	NFG231	Nghệ thuật học	3	45/0/0/90	
7	VCF332	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	45/0/0/90	
Tổng số tín chỉ			18		

Học kỳ 3

TT	Mã học phần	TÊN HỌC PHẦN	Số TC	Loại giờ TC (LT-HĐTL/ TL/TH- TN/TH)	HP tiên quyết; học trước
	<i>Bắt buộc</i>		16		
1	PHE133	Giáo dục thể chất 3			
2	EIM121	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30/0/0/60	MLT131
3	ENG133	Tiếng Anh 3	3	45/0/0/90	ENG132
4	PHT231	Kỹ thuật nhiếp ảnh	3	30/30/0/90	
5	EOM231	Thiết kế và quản trị nội dung website	3	30/30/0/90	
6	MSR131	Phương pháp luận NCKH	3	45/0/0/90	
7	LIW322	Pháp luật đại cương	2	30/0/0/90	
8	<i>Tự chọn</i>		3/9		
8.1	IMC231	Tổ chức hoạt động cơ quan báo chí*	3	30/30/90	
8.2	SEI231	Kỹ năng khai thác thông tin trên internet	3	30/30/0/90	
8.3	CAF231	Truyền thông về các loại hình nghệ thuật	3	30/30/0/90	
Tổng số tín chỉ			19		



Học kỳ 4

TT	Mã học phần	TÊN HỌC PHẦN	Số TC	Loại giờ TC (LT-HĐTL/ TL/TH- TN/TH)	HP tiên quyết; học trước
	<i>Bắt buộc</i>		15		
1	GRE231	Kỹ thuật đồ họa	3	30/30/0/90	
2	VNS631	Quan hệ công chúng	3	30/30/0/90	
3	APP231	Quảng cáo và sản xuất nội dung quảng cáo	3	30/30/0/90	
4	LEJ231	Pháp luật và đạo đức báo chí – truyền thông*	3	30/30/0/90	
5	PEC331	Thực tế chuyên môn	3	0/0/120	
6	<i>Tự chọn</i>		6/15		
6.1	DKK331	Văn hóa doanh nghiệp*	3	30/30/0/90	
6.2	BIC231	Xây dựng bộ nhận diện và quản trị thương hiệu*	3	30/30/0/90	
6.3	FJD331	Xã hội học truyền thông đại chúng	3	30/30/0/90	
6.4	DOC231	Phim tài liệu	3	30/30/0/90	
6.5	NWT231	Kỹ thuật viết tin	3	30/30/0/90	
Tổng số tín chỉ			21		



Học kỳ 5

TT	Mã học phần	TÊN HỌC PHẦN	Số TC	Loại giờ TC (LT-HĐTL/ TL/TH- TN/TH)	HP tiên quyết; học trước
	Bắt buộc		16		
1	HKM221	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30/0/0/60	MLT131
2	SUM231	Ý tưởng, sáng tạo và khởi nghiệp	3	30/30/0/90	
3	JFG121	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	30/0/0/60	MLT131
4	HFJ431	Kỹ năng phỏng vấn	3	30/30/0/90	
5	IMC231	Nhập môn truyền thông đa phương tiện	3	30/30/0/90	
6	TPW331	Tác phẩm báo chí	3	30/30/0/90	
7	Tự chọn		3/9		
7.1	BES231	Kỹ năng tranh biện *	3	30/30/0/90	
7.2	EMJ231	Khai thác chất liệu văn học trong sáng tác tác phẩm báo chí	3	30/30/0/90	
7.3	CHS231	Kỹ năng quản lý và xử lý khủng hoảng truyền thông	3	30/30/0/90	
Tổng số tín chỉ			19		



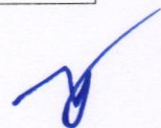
Học kỳ 6

TT	Mã học phần	TÊN HỌC PHẦN	Số TC	Loại giờ TC (LT-HĐTL/ TL/TH- TN/TH)	HP tiên quyết; học trước
	<i>Bắt buộc</i>		8		
1	MPD331	Thiết kế sản phẩm đa phương tiện với trí tuệ nhân tạo	3	30/30/0/90	
2	HCM121	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30/0/0/96	MLT131
3	WSP331	Kỹ năng viết báo bằng prompts	3	30/30/0/90	
7	<i>Chuyên ngành Truyền thông quản trị sự kiện</i>		12		
7.1	EOM231	Tổ chức và quản trị sự kiện	3	30/30/0/90	
7.2	PRS331	Kỹ năng dẫn chương trình	3	30/30/0/90	
7.3	FAS331	Gây quỹ và vận động tài trợ	3	30/30/0/90	
7.4	EVD331	Đạo diễn sự kiện	3	30/30/0/90	
	<i>Chuyên ngành Báo chí - Truyền thông số</i>		12		
1	RAR431	Sản xuất tác phẩm phát thanh	3	30/30/0/90	
2	ELP331	Báo điện tử	3	30/30/0/90	
3	GIK331	Sản xuất tác phẩm truyền hình	3	30/30/0/90	
4	TRN231	Kỹ thuật chạy quảng cáo trên mạng xã hội	3	30/30/0/90	
Tổng số tín chỉ			20		



Học kỳ 7

TT	Mã học phần	TÊN HỌC PHẦN	Số TC	Loại giờ TC (LT-HĐTL/ TL/TH- TN/TH)	HP tiên quyết; học trước
1	PEN431	Thực tập tốt nghiệp	3	0/0/90/90	
2	Khóa luận tốt nghiệp/ HP thay thế		7		
4.1	SPA904	Khóa luận	7	0/0/210/210	
4.2		<i>Học phần thay thế TN</i>			
4.2.1.	GRT431	Chuyên đề tốt nghiệp 1	3	30/30/0/90	
4.2.2.	GRT442	Chuyên đề tốt nghiệp 2	4	30/60/0/120	
Tổng số tín chỉ			10		



RU
AI
HO
/C

9. MA TRẬN TƯƠNG QUAN GIỮA CÁC HỌC PHẦN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ghi chú: Điểm mức độ yêu cầu theo thang năng lực Bloom Taxonomy: Kiến thức (1-6), Kỹ năng (1-5), Mức độ tự chủ và trách nhiệm (1-5).

Học phần (Sắp xếp theo khung CTĐT)	Mức năng lực ứng với chuẩn đầu ra của CTĐT								
	1			2			3		
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9
Triết học Mác - Lênin	2				2		2	2	2
Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2				2		2	2	2
Tư tưởng Hồ Chí Minh	2				2		2	2	2
Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2				2		2	2	2
Chủ nghĩa xã hội khoa học	2				2		2	2	2
Pháp luật đại cương	2				2		2	2	2
Ý tưởng, sáng tạo và khởi nghiệp	2						2	2	2
Cơ sở văn hóa Việt Nam	3						3	2	3
Tiếng Anh 1	3						3	2	3
Tiếng Anh 2	3				3			3	3

Tiếng Anh 3	2		3	3	3		3	3	3	3
Xã hội học đại cương		3		2	3		3	3	3	3
Kỹ năng giao tiếp		3				4	3			3
Truyền thông vận động xã hội	3	4	3	3	3	4	3	3	3	3
Tiếng Việt thực hành		3		3	3	3	3	3	3	2
Kỹ thuật nhiếp ảnh	3	4			3	4		3	4	
Kỹ thuật đồ họa	3		4	3			4			4
Quan hệ công chúng	3	4				5	3		4	
Ngôn ngữ báo chí – truyền thông	3	4	4	3	4				4	4
Quảng cáo và sản xuất nội dung quảng cáo	3	4				3	4	4	3	4
Cơ sở lý luận báo chí truyền thông	3	4				4	4	3	4	
Kỹ năng phỏng vấn	3	4				4		3	3	3
Nhập môn truyền thông đa phương tiện	3	4	4			3	4	3		4
Pháp luật và đạo đức báo chí – truyền thông	3	3			3		3		3	3
Tác phẩm báo chí	3				3	2		3	3	

Văn hóa doanh nghiệp	3	3						3		3	3	3
Tổ chức hoạt động cơ quan báo chí		3			4	3		3	3	3	3	3
Nghệ thuật học		3			3					3		3
Xây dựng bộ nhận diện và quản trị thương hiệu		3	3			4				3		3
Kỹ năng tranh biện	3	3				3		3	3	3		3
Kỹ năng khai thác thông tin trên internet	3	3			3					3	3	3
Phim tài liệu		3	3			4						
Xã hội học truyền thông đại chúng		2	3			3						
Truyền thông về các loại hình nghệ thuật		3			3	3				3		
Kỹ thuật viết tin	2				3					3		
Tổ chức và quản trị sự kiện				3						3		3
Kỹ năng dẫn chương trình		3	3	3	3	4		3	3	3	3	3
Đạo diễn sự kiện		3	3			4						3
Gây quỹ và vận động tài trợ		3	3			4						
Sản xuất tác phẩm phát thanh		3				4				3	3	3

Sản xuất tác phẩm truyền hình		3					4	3		3	3
Kỹ thuật chạy quảng cáo trên mạng xã hội		3	4	3		3	3		3	3	3
Báo điện tử		3	3				4	3		3	3
Tin học đại cương		3	3				4	3		3	3
Thiết kế và quản trị nội dung website		2	3				3		3	3	3
Thiết kế sản phẩm đa phương tiện với trí tuệ nhân tạo		2	3				3	3		3	3
Truyền thông mạng xã hội			3							3	3
Kỹ năng viết báo bằng Prompts		3	3	3		3	4	3	3	3	3
Thực tế chuyên môn	3	3		3				4		3	
Thực tập tốt nghiệp	3	3	4				4	4	3	3	4
Khóa luận tốt nghiệp	4	4	5	3			4	5	4	4	5
Chuyên đề tốt nghiệp 1	4	4	5	3			4	5	4	4	5
Chuyên đề tốt nghiệp 2	4	4	5	3			4	5	4	4	5

10. TÓM TẮT NỘI DUNG CÁC HỌC PHẦN

10.1. KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG

10.1.1. MLT131. Triết học Mac-Lenin. 03 TC

- Học phần tiên quyết: Không

- Tóm tắt nội dung học phần: Môn học triết học Mác - Lênin bao gồm 3 chương: Chương 1 trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác - Lênin và vai trò của triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội. Chương 2 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm vấn đề về vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Chương 3 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội; triết học về con người.

10.1.2. EIM121. Kinh tế chính trị Mac-Lenin. 02 TC

- Học phần tiên quyết: Triết học Mác – Lênin

- Tóm tắt nội dung học phần: Kinh tế Chính trị Mác - Lênin là một trong ba bộ phận cấu thành của Chủ nghĩa Mác - Lênin môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo của khối đại học trong cả nước. Môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin trang bị cho sinh viên nội dung cốt lõi của các vấn đề cụ thể như sau: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

10.3. HCM121. Tư tưởng Hồ Chí Minh. 02 TC

- Học phần tiên quyết: Triết học Mác – Lênin, Kinh tế chính trị Mác – Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học

- Tóm tắt nội dung học phần: Tư tưởng Hồ Chí Minh là môn khoa học về hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc của Hồ Chí Minh – lãnh tụ vĩ đại của dân tộc Việt Nam. Chương trình môn học được kết cấu thành 6 chương. Ngoài Chương I giới thiệu về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập của môn học và chương II nghiên cứu về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; 4 chương còn lại nghiên cứu về những tư tưởng lớn của Hồ Chí Minh về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đến cách mạng xã hội chủ nghĩa.

10.1.4. JFG221. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam. 02 TC

- Học phần tiên quyết: Triết học Mác – Lênin, Kinh tế chính trị Mác – Lênin

- Tóm tắt nội dung học phần: Trang bị cho sinh viên sự hiểu biết về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920-1930), quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân

Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). Qua đó khẳng định các thành công, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

10.1.5. HKM221. Chủ nghĩa xã hội khoa học. 02 TC

- Học phần tiên quyết: Triết học Mác – Lênin

- Tóm tắt nội dung học phần: Chủ nghĩa xã hội Khoa học là một trong ba bộ phận cấu thành của Chủ nghĩa Mác –Lênin, đây là môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo của các trường đại học trong cả nước. Nội dung môn học gồm 7 chương: Chương 1 trình bày những vấn đề cơ bản có tính nhập môn của Chủ nghĩa xã hội khoa học; từ chương 2 đến chương 7 trình bày những nội cơ bản của Chủ nghĩa xã hội khoa học gồm những tri thức lý luận về chủ nghĩa xã hội khoa học và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học cung cấp cho người học về sự ra đời, đối tượng, phương pháp nghiên cứu, học tập môn học; các giai đoạn phát triển cơ bản Chủ nghĩa xã hội khoa học; sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; Chủ nghĩa xã hội khoa học, thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và các vấn đề chính trị - xã hội như: dân chủ, nhà nước, liên minh giai cấp, dân tộc, tôn giáo, gia đình trong thời kỳ quá độ lên Chủ nghĩa xã hội.

10.1.6. LIW322. Pháp luật đại cương. 02 TC

- Học phần tiên quyết: Không

- Tóm tắt nội dung học phần: Pháp luật đại cương là môn học bắt buộc thuộc phần kiến thức giáo dục đại cương, đối tượng nghiên cứu là những vấn đề chung và cơ bản nhất của nhà nước và pháp luật nói chung và của Nhà nước và pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam nói riêng. Cụ thể, môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về: nguồn gốc, bản chất, hình thức, các kiểu nhà nước và pháp luật trong lịch sử; các vấn đề pháp lý cơ bản như: quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật, thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật, trách nhiệm pháp lý, pháp chế xã hội chủ nghĩa, hệ thống pháp luật. Đồng thời, môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về một số ngành luật quan trọng trong hệ thống pháp luật Việt Nam như: Luật Hiến pháp, Luật Hành chính, Luật Hình sự, Luật Dân sự.

10.1.7. SUM231. Ý tưởng, sáng tạo và khởi nghiệp. 03TC

- Số tín chỉ/ Loại giờ TC (LT- HĐTL/TL/TH-TN/TH): 03/ (45/0/0/90)

- Học phần tiên quyết: không

- Tóm tắt nội dung học phần: Môn học cung cấp cho người học về những kiến thức khái quát như khái niệm, quy trình về khởi nghiệp, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và các công cụ trong tìm ý tưởng, xây dựng mô hình kinh doanh, tạo lập tổ chức và huy động vốn khởi nghiệp.

10.1.8. VCF332. Cơ sở văn hóa Việt Nam. 03TC

- Số tín chỉ/ Loại giờ TC (LT- HĐTL/TL/TH-TN/TH): 03/ (45/0/0/90)

- Học phần tiên quyết: không

- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần cung cấp cho người học kiến thức về đời sống tinh thần, thuộc về đời sống tinh thần của người Việt Nam, kể cả đời sống tâm linh, là sự thể hiện tư duy sáng tạo, sáng tác, phát minh, là ý thức về ngôn ngữ, về lịch sử, về kinh tế chính trị xã hội, về đạo đức, về thẩm mỹ của người Việt Nam cùng với những phương thức tiếp nhận những giá trị về đời sống tinh thần trong quan hệ giao lưu với các dân tộc khác.

10.9. ENG141. Tiếng Anh 1. 04TC

- Tên Tiếng Anh: English 1

- Số tín chỉ/ Loại giờ TC (LT- HĐTL/TL/TH-TN/TH): 04/ (60/0/0/90)

- Học phần tiên quyết: không

- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức hướng trọng tâm vào củng cố ngữ pháp tiếng anh và viết tiếng Anh, tập trung vào phân tích câu chữ và viết các bài luận, thuyết trình cơ bản tương đương trình độ A2 khung tham chiếu Châu Âu.

10.1.10. ENG132. Tiếng Anh 2. 03 TC

- Tên Tiếng Anh: English 2

- Số tín chỉ/ Loại giờ TC (LT- HĐTL/TL/TH-TN/TH): 03/ (45/0/0/90)

- Học phần tiên quyết: không

- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần cung cấp cho sinh viên những kỹ năng trong việc rèn nghe tiếng Anh và luyện phát âm tiếng Anh, thuyết trình cơ bản tương đương trình độ A2 khung tham chiếu Châu Âu.

10.1.11. ENC133. Tiếng Anh 3. 03 TC

- Tên Tiếng Anh: English 3

- Số tín chỉ/ Loại giờ TC (LT- HĐTL/TL/TH-TN/TH): 03/ (45/0/0/90)

- Học phần tiên quyết: không

- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần rèn luyện cho sinh viên kỹ năng phản xạ trong giao tiếp tiếng Anh, có thể trao đổi, nói chuyện về các chủ đề thông thường trong đời sống cũng như một số chủ đề mang tính học thuật bằng tiếng Anh

10.2. KHỞI KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP**KHỞI KIẾN THỨC NHÓM NGÀNH VÀ CƠ SỞ NGÀNH**

10.2.1. GES132. Xã hội học đại cương. 03 TC

- Số tín chỉ/ Loại giờ TC (LT- HĐTL/TL/TH-TN/TH): 03/ (45/0/0/90)

- Học phần tiên quyết: không

- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần cung cấp cho người học cách nghiên cứu những quy luật và những đặc điểm chung nhất của các hiện tượng và quá trình xã hội. Nó nghiên cứu những mối quan hệ, những cơ cấu chung nhất của hệ thống xã hội. XHH đại cương là hệ thống khái niệm, phạm trù, lý thuyết cơ bản của XHH, là cơ sở lý thuyết cho các ngành XHH chuyên biệt.

10.2.2. CTO 321. Kỹ năng giao tiếp. 03 TC

- Tên Tiếng Anh: **Communication skills**

- Số tín chỉ/ Loại giờ TC (LT- HĐTL/TL/TH-TN/TH): 03/ (45/0/0/90)

- Học phần tiên quyết: không

- Tóm tắt nội dung học phần: Môn học bao gồm các nội dung được trình bày trong 3 chương: Chương 1: Khái quát về giao tiếp (Khái niệm giao tiếp; Đặc trưng văn hóa giao tiếp của người Việt; Giao tiếp trong môi trường đa văn hóa; Vai trò của ngôn ngữ trong giao tiếp; Những hình thức tạo nên hiệu quả giao tiếp bằng ngôn ngữ; Một vài lưu ý khi giao tiếp bằng lời; Khái niệm, vai trò đặc điểm và chức năng của giao tiếp phi lời; Hình thái biểu hiện của giao tiếp không lời; Các trở ngại của giao tiếp phi ngôn ngữ); Chương 2: Một số kỹ năng giao tiếp thông dụng (Kỹ năng quan sát, lắng nghe; Kỹ năng làm việc nhóm; Kỹ năng thuyết trình); Kỹ năng giao tiếp, ứng xử trong lĩnh vực ngành nghề; Chương 3: Ứng dụng kỹ năng giao tiếp trong lĩnh vực ngành nghề (du lịch Tâm lý và thái độ đối với nghề nghiệp; Kỹ năng giao tiếp trong môi trường thực tế, thực tập, học việc, làm part - time; Kỹ năng xử lý tình huống giao tiếp trong tác nghiệp thuộc lĩnh vực chuyên môn); Từ đó giúp sinh viên có khả năng vận dụng kiến thức, kỹ năng để giải quyết các tình huống giao tiếp trong đời sống xã hội, gia đình và nghề nghiệp một cách hiệu quả.

10.2.3. SAM231. Truyền thông vận động xã hội. 03 TC

- Tên Tiếng Anh: **Social Advocacy Media**

- Số tín chỉ/ Loại giờ TC (LT- HĐTL/TL/TH-TN/TH): 03/ (45/0/0/90)

- Học phần tiên quyết: không

- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Truyền thông vận động xã hội hướng đến trang bị cho người học những kiến thức lý luận cơ bản về truyền thông vận động xã hội như: các vấn đề cần truyền thông vận động, đối tượng, thông điệp, kế hoạch truyền thông vận động, quá trình giám sát và đánh giá trong truyền thông vận động. Thông qua học phần, sinh viên có khả năng xây dựng kế hoạch truyền thông và tiến hành tổ chức thực hiện trong thực tế, hiểu được tầm quan trọng của truyền thông vận động xã hội, có thái độ nghiêm túc trong công việc, có năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm.

10.2.4. PVN221 Tiếng Việt thực hành. 03 TC



- Tên Tiếng Anh: **Vietnamese in Practice**

- Số tín chỉ/ Loại giờ TC (LT- HĐTL/TL/TH-TN/TH): 03/ (45/0/0/90)

- Học phần tiên quyết: không

- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần hệ thống hóa lại cho sinh viên các khái niệm, phân loại từ, câu, đoạn văn, văn bản; đồng thời cụ thể hóa các kiểu lỗi thường gặp ở từng cấp độ để phân tích và đưa ra giải pháp. Học phần còn giúp sinh viên thành thạo hơn trong các kỹ năng phát âm, viết đúng chính tả, dùng từ đúng nghĩa, viết câu nhuần nhuyễn, biết cách viết một đoạn văn hoặc tạo lập các văn bản hành chính thông dụng cũng như một số loại văn bản khoa học gắn liền với việc học tập của sinh viên (niên luận, đề tài, khóa luận, báo cáo thực tế...). Đặc biệt, học phần đề cao tính thực hành nên sinh viên chủ yếu được rèn luyện kỹ năng qua các bài tập thực tế thay vì học lý thuyết.

10.2.5. PHT231. Kỹ thuật nhiếp ảnh. 03 TC

- Tên Tiếng Anh: **Photography Techniques**

- Số tín chỉ/ Loại giờ TC (LT- HĐTL/TL/TH-TN/TH): 03/ (30/30/0/90)

- Học phần tiên quyết: không

- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần *Kỹ thuật nhiếp ảnh* trang bị cho sinh viên kiến thức từ cơ bản đến nâng cao về kỹ thuật và nghệ thuật nhiếp ảnh, đặc biệt là trong lĩnh vực ảnh báo chí. Sinh viên sẽ được học và thực hành các nguyên lý tạo hình, làm chủ thiết bị chụp ảnh kỹ thuật số, ánh sáng, bố cục và các quy trình hậu kỳ ảnh.

Ngoài các khía cạnh kỹ thuật, môn học còn cung cấp nền tảng lý luận về nhiếp ảnh nói chung và ảnh báo chí nói riêng. Sinh viên sẽ hiểu rõ bản chất, vai trò, đặc trưng và các hình thức thể hiện tiêu biểu của ảnh báo chí hiện đại. Môn học cũng giúp rèn luyện kỹ năng nắm bắt vấn đề xã hội, khai thác thông tin thực tế, và truyền tải nội dung một cách sinh động, hiệu quả bằng hình ảnh.

10.2.6. GRE231. Kỹ thuật đồ họa. 03 TC

- Tên Tiếng Anh: **Graphic engineering**

- Số tín chỉ/ Loại giờ TC (LT- HĐTL/TL/TH-TN/TH): 03/ (30/30/0/90)

- Học phần tiên quyết: không

- Tóm tắt nội dung học phần: ọc phần *Thiết kế đồ họa* nhằm cung cấp kiến thức và kỹ năng cơ bản về thiết kế hình ảnh, giao diện và truyền thông thị giác. Nắm vững các nguyên tắc cơ bản của thiết kế đồ họa, bao gồm màu sắc, bố cục, tỷ lệ, và typography. Thành thạo các công cụ thiết kế chuyên nghiệp như Adobe Photoshop, Adobe Illustrator, Adobe InDesign, hoặc các nền tảng trực tuyến như Canva, Figma.

Giúp người học phát triển khả năng tư duy sáng tạo, xây dựng ý tưởng và áp dụng vào các dự án thực tế. Tạo ra các sản phẩm thiết kế như logo, poster, banner, giao diện website, ấn phẩm quảng cáo, và các tài liệu truyền thông khác.

10.2.7. VNS631. Quan hệ công chúng. 03 TC

- Tên Tiếng Anh: **Public Relations**
- Số tín chỉ/ Loại giờ TC (LT- HĐTL/TL/TH-TN/TH): 03/ (30/30/0/90)
- Học phần tiên quyết: *Cơ sở lý luận báo chí truyền thông*

- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần *Quan hệ công chúng* cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản để hiểu được lịch sử phát triển và hình thành của ngành và nghề Quan hệ công chúng. Học phần đào tạo cử nhân với kiến thức, kỹ năng, thái độ cần thiết để tác nghiệp các hoạt động xây dựng, duy trì, phát triển hình ảnh và mối quan hệ hai chiều giữa các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp... với các nhóm công chúng mục tiêu của họ thông qua việc cung cấp, trao đổi thông tin một cách đúng đắn, chính xác, trung thực; có khả năng nghiên cứu, giảng dạy về các vấn đề của quan hệ công chúng tại các doanh nghiệp, cơ sở giáo dục đại học, các cơ sở nghiên cứu... Cung cấp cho người học PR chia khóa để thực hiện truyền thông một cách rõ ràng, súc tích và cách thức để truyền tải thông điệp hiệu quả trên các phương tiện truyền thông. Sau môn học, sinh viên có đủ năng lực làm việc chuyên về quan hệ công chúng trong các cơ quan chính phủ, phi chính phủ, các cơ quan truyền thông, doanh nghiệp, các công ty cung cấp dịch vụ quan hệ công chúng chuyên nghiệp, các tổ chức chính trị, xã hội..., có khả năng tiếp tục học tập, tham gia học tập ở bậc học cao hơn, tích lũy kinh nghiệm để trở thành nhà lãnh đạo, chuyên gia trong lĩnh vực quan hệ công chúng.

10.1.8. PML 231. Ngôn ngữ báo chí - truyền thông. 03 TC

- Tên Tiếng Anh: **Language of Journalism and Communication**
- Số tín chỉ/ Loại giờ TC (LT- HĐTL/TL/TH-TN/TH): 03/ (30/30/0/90)
- Học phần tiên quyết: không

- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần *Ngôn ngữ báo chí – truyền thông* trang bị cho sinh viên kiến thức nền tảng về đặc điểm, chức năng và cách sử dụng ngôn ngữ trong các hoạt động báo chí và truyền thông đại chúng. Nội dung môn học bao gồm việc nhận diện và phân tích đặc trưng ngôn ngữ báo chí, các quy định và chuẩn mực chi phối phong cách diễn đạt, cũng như cấu trúc ngôn từ trong các thể loại báo chí hiện đại.

Sinh viên sẽ được tìm hiểu và so sánh đặc điểm ngôn ngữ của các loại hình truyền thông như báo in (viết để đọc), phát thanh (viết để nghe), truyền hình (viết để nhìn và nghe), báo mạng (tổng hợp cả văn bản, hình ảnh, âm thanh), cùng với các hình thức đặc biệt như tiêu đề báo chí, ngôn ngữ quảng cáo và thông điệp truyền thông.

Thông qua môn học, sinh viên phát triển kỹ năng sử dụng ngôn ngữ một cách chính xác, linh hoạt và hấp dẫn, phù hợp với từng đối tượng công chúng và từng kênh truyền thông. Môn học đồng thời rèn luyện tư duy biên tập, khả năng định hướng nội dung, xử lý thông tin, và đánh giá ngôn ngữ báo chí dưới góc nhìn ngữ dụng, đạo đức nghề nghiệp và tác động xã hội.

10.2.9. APP231. Quảng cáo và sản xuất nội dung quảng cáo. 03 TC

- Tên Tiếng Anh: **Advertising and Creative Content Production**
- Số tín chỉ/ Loại giờ TC (LT- HĐTL/TL/TH-TN/TH): 03/ (30/30/0/90)
- Học phần tiên quyết: không
- Tóm tắt nội dung học phần:

Sinh viên sẽ được trang bị những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về lý thuyết quảng cáo, chiến lược marketing và quá trình sáng tạo nội dung quảng cáo. Môn học giúp sinh viên hiểu rõ vai trò của quảng cáo trong việc xây dựng thương hiệu và tiếp cận khách hàng mục tiêu, từ đó phát triển khả năng sáng tạo và sản xuất nội dung quảng cáo đa dạng như video, hình ảnh và văn bản. Sinh viên cũng sẽ được thực hành qua các công đoạn sản xuất thực tế, từ việc lên ý tưởng, viết kịch bản đến quay phim, dựng hình, thiết kế đồ họa, giúp trang bị kỹ năng thực tế và làm việc với các công cụ phần mềm chuyên ngành. Bên cạnh đó, sinh viên còn học cách đo lường và đánh giá hiệu quả của chiến dịch quảng cáo, qua đó có thể triển khai và tối ưu hóa các chiến lược quảng cáo sao cho đạt được kết quả tốt nhất.

10.2.10. ICS241. Cơ sở lý luận báo chí truyền thông. 03 TC

- Tên Tiếng Anh: **Journalism and Communication theory**
- Số tín chỉ/ Loại giờ TC (LT- HĐTL/TL/TH-TN/TH): 03/ (30/30/0/90)
- Học phần tiên quyết: không

- Tóm tắt nội dung học phần: Môn học giúp cho sinh viên nắm được các vấn đề cơ bản của báo chí truyền thông bao gồm các khái niệm, lý thuyết phạm trù, bản chất của hoạt động thông tin báo chí, công chúng báo chí và cơ chế tác động của báo chí. Khái quát sự ra đời và phát triển của các loại hình báo chí, vai trò xã hội và các nguyên tắc hoạt động; hoạt động báo chí trong xã hội có giai cấp; vấn đề tự do và tự do báo chí; luật pháp với báo chí; chủ thể hoạt động báo chí và vấn đề đạo đức nghề nghiệp; lao động sáng tạo trong hoạt động báo chí; vấn đề hiệu quả và hiệu quả báo chí; trách nhiệm xã hội và nghĩa vụ công dân của nhà báo, các phương pháp nghiên cứu, thành tựu và sự phát triển của ngành truyền thông đại chúng trong xã hội hiện đại. Môn học trang bị cho sinh viên phương pháp khoa học trong cách đánh giá nhận xét hoạt động báo chí, cách phát hiện, nêu và giải quyết vấn đề một cách khách quan, công bằng và khoa học.

10.2.11. HFJ431. Kỹ năng phỏng vấn. 03 TC

- Tên Tiếng Anh: **Press interview skills**
- Số tín chỉ/ Loại giờ TC (LT- HĐTL/TL/TH-TN/TH): 03/ (30/30/0/90)
- Học phần tiên quyết: không

- Tóm tắt nội dung học phần: Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức về thể loại phỏng vấn (định nghĩa, đặc điểm, phân loại); về qui trình phỏng vấn, các kỹ năng chuẩn bị cho cuộc phỏng vấn, các dạng câu hỏi, cách đặt câu hỏi, kỹ năng làm chủ cuộc

phỏng vấn...; về các dạng câu hỏi và những câu hỏi nên tránh, cách thực hiện một bài phỏng vấn. Cung cấp các kiến thức về đạo đức và pháp luật trong phỏng vấn báo chí.

10.2.12. IMC231 Nhập môn truyền thông đa phương tiện. 03 TC

- Tên Tiếng Anh: **Introduction to Multimedia Communication.**

- Số tín chỉ/ Loại giờ TC (LT- HĐTL/TL/TH-TN/TH): 03/ (30/30/0/90)

- Học phần tiên quyết: Báo điện tử

- Tóm tắt nội dung học phần: *Nhập môn truyền thông đa phương tiện* là học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về truyền thông đa phương tiện và các công cụ hỗ trợ trong việc sản xuất, biên tập và phát tán thông tin qua nhiều phương tiện như văn bản, âm thanh, hình ảnh, video và đồ họa. Học phần này giúp sinh viên hiểu rõ vai trò của truyền thông đa phương tiện trong xã hội hiện đại, từ đó trang bị các kỹ năng thực tiễn để ứng dụng trong công việc truyền thông, marketing, và các lĩnh vực liên quan. Sinh viên sẽ được học các nguyên lý cơ bản của truyền thông, cách thức kết hợp các yếu tố hình ảnh và âm thanh trong việc tạo dựng thông điệp, cũng như các phần mềm và công cụ kỹ thuật số phục vụ cho việc tạo ra nội dung đa phương tiện. Bên cạnh đó, học phần còn đề cập đến các xu hướng phát triển của truyền thông đa phương tiện trong kỷ nguyên số, cùng với những thách thức và cơ hội mà lĩnh vực này mang lại. Cuối khóa học, sinh viên sẽ có khả năng áp dụng kiến thức đã học để tạo ra các sản phẩm truyền thông đa phương tiện đơn giản, từ đó phát triển thêm các kỹ năng trong việc thiết kế và quản lý nội dung truyền thông số.

10.2.13. Tác phẩm báo chí. 03TC

- Tên Tiếng Anh: **Journalistic artworks**

- Số tín chỉ/ Loại giờ TC (LT- HĐTL/TL/TH-TN/TH): 03/ (30/30/0/90)

- Học phần tiên quyết: Cơ sở lý luận báo chí - truyền thông

- Tóm tắt nội dung học phần: Tác phẩm báo chí có vai trò quan trọng trong hệ thống lý thuyết và thực hành báo chí. Học phần hướng đến trang bị cho người học những kiến thức lý luận cơ bản về tác phẩm và thể loại báo chí như: khái niệm tác phẩm báo chí, chức năng của tác phẩm báo chí, giá trị sử dụng của tác phẩm báo chí, bản quyền tác phẩm báo chí; các yếu tố thuộc về nội dung và hình thức của tác phẩm báo chí. Trên cơ sở đó, sinh viên sẽ nhận diện được các thể loại báo chí cơ bản và biết đánh giá chất lượng một tác phẩm báo chí.

10.2.13. LEJ231. Pháp luật và đạo đức báo chí - truyền thông. 03 TC

- Tên Tiếng Anh: **Law and Ethics in Journalism and Communication**

- Số tín chỉ/ Loại giờ TC (LT- HĐTL/TL/TH-TN/TH): 03/ (30/30/0/90)

- Học phần tiên quyết: Cơ sở lý luận báo chí – truyền thông; Pháp luật đại cương

- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần trang bị cho người học những tri thức cơ bản, hệ thống và cập nhật về luật pháp báo chí; những quy định về đạo đức nghề nghiệp trong

hoạt động tác nghiệp. Từ kiến thức được học, sinh viên có thể phân tích, xử lý và đánh giá các tình huống; có những hiểu biết, vận dụng và thực hiện hài hoà mối quan hệ giữa đạo đức và luật pháp báo chí trong hoạt động thực tiễn.

10.2.14. DKK331. Văn hóa doanh nghiệp. 03 TC

- Tên Tiếng Anh: **Corporate Culture**

- Số tín chỉ/ Loại giờ TC (LT- HĐTL/TL/TH-TN/TH): 03/ (30/30/0/90)

- Học phần tiên quyết: không

- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần cung cấp kiến thức chuyên sâu về văn hóa tổ chức, bao gồm khái niệm, vai trò, và các phương pháp xây dựng văn hóa doanh nghiệp hiệu quả. Sinh viên được trang bị kỹ năng hội nhập vào môi trường làm việc đa văn hóa, đồng thời học cách thiết lập các chuẩn mực văn hóa trong giao tiếp với xã hội và cộng đồng. Nội dung học phần cũng bao gồm phân tích các mô hình văn hóa, vai trò lãnh đạo, và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp. Thông qua bài giảng, thảo luận nhóm, và dự án thực hành, học phần giúp sinh viên phát triển tư duy hòa nhập và năng lực xây dựng môi trường làm việc tích cực.

10.2.15. OPA221- Tổ chức, hoạt động cơ quan báo chí. 03 TC

- Tên Tiếng Anh: **Organization and activities of a press editorial office**

- Số tín chỉ/ Loại giờ TC (LT- HĐTL/TL/TH-TN/TH): 03/ (30/30/0/90)

- Học phần tiên quyết: không

- Tóm tắt nội dung học phần: Môn học cung cấp kiến thức về cơ cấu tổ chức và hoạt động của cơ quan báo chí, chức năng, nhiệm vụ, cơ chế làm việc của các phòng ban và vị trí, vai trò, nhiệm vụ của các chức danh trong cơ quan báo chí. Môn học cũng giới thiệu quy trình sản xuất của một tờ báo – từ lúc ban biên tập lên kế hoạch xuất bản đến khi tiếp nhận thông tin phản hồi sau khi báo phát hành/xuất bản.

10.2.16. NFG231. Nghệ thuật học. 03 TC

- Tên Tiếng Anh: **Art**

- Số tín chỉ/ Loại giờ TC (LT- HĐTL/TL/TH-TN/TH): 03/ 45/0/90/180

- Học phần tiên quyết: không

- Tóm tắt nội dung học phần: Viết về văn học nghệ thuật là một nội dung không thể thiếu trong đời sống báo chí - truyền thông hiện nay. Học phần Nghệ thuật học cung cấp những kiến thức cơ bản về nghệ thuật (bản chất, đặc trưng, nguồn gốc, quá trình phát triển, những thành tựu cơ bản của một số nền nghệ thuật tiêu biểu, đặc trưng của các loại hình nghệ thuật). Trên cơ sở những nội dung kiến thức được học, học phần hướng đến rèn luyện kỹ năng nhận biết, thưởng thức, đánh giá, phân loại tác phẩm nghệ thuật cụ thể, từ đó hướng đến việc khám phá, phát hiện và triển khai những đề tài phản ánh về các vấn đề liên quan đến văn học nghệ thuật trong và ngoài nước. Học phần cũng hướng đến xây dựng ở người học thái độ trân trọng, nghiêm túc và khoa học khi thưởng thức, đánh giá một tác



phẩm nghệ thuật cụ thể, tự bồi dưỡng cho bản thân tình yêu đối với cái đẹp trong nghệ thuật để từ đó có khả năng tạo lập được cái đẹp trong cuộc sống.

10.2.17. BIC231. Xây dựng bộ nhận diện và quản trị thương hiệu. 03 TC

- Tên Tiếng Anh: **Brand Identity Development and Brand Management**
- Số tín chỉ/ Loại giờ TC (LT- HĐTL/TL/TH-TN/TH): 03/ (30/30/0/90)
- Học phần tiên quyết: không
- Tóm tắt nội dung học phần:

Môn học cung cấp kiến thức về việc xây dựng và quản lý bộ nhận diện thương hiệu, bao gồm các yếu tố như logo, màu sắc, phong chữ, hình ảnh, và thông điệp truyền thông của một thương hiệu. Sinh viên sẽ học cách phát triển chiến lược thương hiệu, xây dựng các yếu tố nhận diện thương hiệu nhất quán và hiệu quả để thu hút khách hàng mục tiêu. Môn học cũng giúp sinh viên hiểu về quá trình quản trị thương hiệu lâu dài, bao gồm việc duy trì và phát triển giá trị thương hiệu trong một môi trường cạnh tranh. Các kỹ thuật quản lý, giám sát và đo lường hiệu quả của chiến lược thương hiệu cũng sẽ được nghiên cứu.

10.2.18. BES231. Kỹ năng tranh biện. 03 TC

- Tên Tiếng Anh: **Debate skills**
- Số tín chỉ/ Loại giờ TC (LT- HĐTL/TL/TH-TN/TH): 03/ (30/30/0/90)
- Học phần tiên quyết: không

- Tóm tắt nội dung học phần: Môn Kỹ năng tranh biện trang bị cho sinh viên Báo chí kiến thức lý thuyết nền tảng về tranh biện, nhấn mạnh các nguyên tắc logic, minh bạch và đạo đức nghề nghiệp; kỹ năng xây dựng lập luận dựa trên dữ liệu và nguồn tin đáng tin cậy; kỹ thuật phản biện sắc bén và đặt câu hỏi chiến lược trong phỏng vấn hoặc tranh luận trực tiếp; và ứng dụng thực tiễn trong các định dạng báo chí như bài viết bình luận, talk show, video hoặc podcast. Sinh viên được rèn luyện thông qua phương pháp học tập tích cực, bao gồm phân tích tình huống thực tế (case study), thảo luận nhóm và các phiên tranh biện mô phỏng, phản ánh các chủ đề xã hội và truyền thông đương đại. Môn học cập nhật xu hướng quốc tế, nhấn mạnh tư duy phê phán, sử dụng công nghệ số hỗ trợ tranh biện (như phân tích dữ liệu thời gian thực) và phát triển kỹ năng giao tiếp đa văn hóa. Học phần giúp sinh viên rèn luyện khả năng phân tích, tư duy phản biện, xây dựng và trình bày quan điểm bằng hệ thống lập luận chặt chẽ, logic và thuyết phục, có khả năng phản ứng nhanh nhạy trước các quan điểm đa chiều. Thông qua các tình huống thực tế, bài tập thảo luận nhóm và các phiên tranh biện mô phỏng, sinh viên sẽ học cách phân tích vấn đề sâu sắc, sử dụng ngôn từ thuyết phục, bảo vệ quan điểm một cách logic, đồng thời rèn luyện kỹ năng lắng nghe và phản hồi hiệu quả. Môn học không chỉ giúp sinh viên nâng cao năng lực viết báo, phỏng vấn hay bình luận mà còn phát triển sự tự tin khi trình bày ý kiến trước công chúng – một yếu tố quan trọng trong nghề báo chí hiện đại.

10.2.19. SEI231. Kỹ năng khai thác thông tin trên internet

- Tên Tiếng Anh: **Exploit information on the internet**

- Số tín chỉ/ Loại giờ TC (LT- HĐTL/TL/TH-TN/TH): 03/ (30/30/0/90)

- Học phần tiên quyết: không

- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần *Kỹ năng khai thác thông tin trên Internet* nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức, kỹ năng tìm kiếm, đánh giá và sử dụng thông tin trực tuyến hiệu quả, chính xác và có đạo đức. Nội dung bao gồm: tổng quan về vai trò internet trong báo chí, kỹ thuật tìm kiếm nâng cao, kỹ năng xác minh nguồn tin, quản lý dữ liệu, và ứng dụng công cụ kỹ thuật số. Qua học phần này, sinh viên sẽ phát triển tư duy phản biện, thành thạo khai thác thông tin, và tuân thủ tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp, đáp ứng yêu cầu thực tiễn của báo chí hiện đại.

10.2.20. DOC231. Phim tài liệu

- Tên Tiếng Anh: **Documentary movies**

- Số tín chỉ/ Loại giờ TC (LT- HĐTL/TL/TH-TN/TH): 03/ (30/30/0/90)

- Học phần tiên quyết: không

- Tóm tắt nội dung học phần: Phim tài liệu là môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản, kỹ năng trong sản xuất thể loại phim tài liệu. Việc nắm chắc thể loại, quy trình thực hiện tác phẩm theo các thể loại phim tài liệu, cũng như cách thức tổ chức sản xuất nội dung sẽ giúp cho sinh viên có đầy đủ năng lực làm việc tại các đài phát thanh, truyền hình từ cấp huyện trở lên.

10.2.21. FJD331. Xã hội học truyền thông đại chúng

- Tên Tiếng Anh: **Sociology of mass communication**

- Số tín chỉ/ Loại giờ TC (LT- HĐTL/TL/TH-TN/TH): 03/ (30/30/0/90)

- Học phần tiên quyết: Cơ sở lý luận Báo chí – Truyền thông

- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Xã hội học truyền thông đại chúng cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về quá trình truyền thông và truyền thông đại chúng. Những đặc điểm cơ bản của quá trình truyền thông, mối quan hệ giữa truyền thông đại chúng và truyền thông liên cá nhân. Xã hội học truyền thông đại chúng nghiên cứu truyền thông như một quá trình xã hội, và các phương tiện truyền thông đại chúng được khảo sát và phân tích dưới góc độ định chế xã hội. Nghiên cứu về công chúng của các phương tiện truyền thông đại chúng với những đặc điểm và ứng xử của các giới độc giả và khán thính giả của báo chí, phát thanh, truyền hình; nghiên cứu về các tổ chức truyền thông và hoạt động của các nhà truyền thông; phân tích nội dung các thông điệp truyền thông bằng hai phương pháp phân tích thực nghiệm và phương pháp phân tích tín hiệu học; nghiên cứu về ảnh hưởng hay tác động xã hội của các phương tiện truyền thông đại chúng.

Việc học tập và nghiên cứu Xã hội học truyền thông đại chúng sẽ giúp cho sinh viên ngành báo chí hình thành các kỹ năng làm việc nhóm và vận dụng được những kiến thức

xã hội học truyền thông đại chúng vào việc nghiên cứu công chúng, các nhà truyền thông và phân tích thông điệp truyền thông.

10.2.22. CAF231. Truyền thông về các loại hình nghệ thuật

- Tên Tiếng Anh: **Arts communication**

- Số tín chỉ/ Loại giờ TC (LT- HĐTL/TL/TH-TN/TH): 03/ (30/30/0/90)

- Học phần tiên quyết: không

- Tóm tắt nội dung học phần: Cùng với sự phát triển không ngừng của văn học nghệ thuật, việc truyền thông, quảng bá về các loại hình nghệ thuật là một nội dung không thể thiếu trong đời sống báo chí - truyền thông hiện nay. Học phần Truyền thông về các loại hình nghệ thuật cung cấp những kiến thức cơ bản về nghệ thuật và truyền thông để trên cơ sở những nội dung kiến thức được học, học phần hướng đến rèn luyện kỹ năng nhận biết, thưởng thức, đánh giá, phân loại tác phẩm nghệ thuật cụ thể, từ đó hướng đến việc sản xuất các nội dung truyền thông về văn học nghệ thuật.

10.2.23. NWT231. Kỹ thuật viết tin

- Tên Tiếng Anh: **News writing skills**

- Số tín chỉ/ Loại giờ TC (LT- HĐTL/TL/TH-TN/TH): 03/ (30/30/0/90)

- Học phần tiên quyết: không

- Tóm tắt nội dung học phần: Môn học Kỹ năng viết tin nhằm cung cấp cho sinh viên chuyên ngành báo chí những kiến thức cơ bản về những kỹ năng viết tin. Sinh viên sẽ được cung cấp và thực hành các kỹ năng viết tin cho các loại hình báo chí; được thảo luận về các vấn đề của báo chí hiện nay, đặc biệt là những vấn đề có liên quan trực tiếp đến kỹ năng tác nghiệp báo chí. Cụ thể: Giới thiệu các khái niệm cơ bản và liên quan kỹ năng viết tin. Học phần cũng tạo cơ sở để sinh viên tiếp xúc và từng bước vận dụng các kiến thức đã học vào các công việc viết tin của cơ quan báo chí và các cơ quan khác như làm công tác biên tập, sản xuất các thể loại báo chí.

KHỐI KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH

Chuyên ngành Quản trị sự kiện

10.3.1. EOM231. Tổ chức và quản trị sự kiện. 03 TC

- Tên Tiếng Anh: **Event organization and management**

- Số tín chỉ/ Loại giờ TC (LT- HĐTL/TL/TH-TN/TH): 03/ (30/30/0/90)

- Học phần tiên quyết: không

- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần cung cấp kiến thức và kỹ năng để lập kế hoạch, quản lý và thực hiện các sự kiện chuyên nghiệp. Hiểu khái niệm, loại hình sự kiện. Xây dựng ý tưởng, ngân sách, timeline và phân công nhiệm vụ. Điều phối nhân sự, nhà cung cấp, địa điểm và các yếu tố hậu cần. Quảng bá sự kiện, thiết kế nội dung và thu hút đối tượng tham gia. Triển khai sự kiện, xử lý tình huống phát sinh và đánh giá hiệu quả

sau sự kiện. Qua học phần này, sinh viên sẽ có những kỹ năng căn bản để lên ý tưởng và triển khai tổ chức và điều hành một sự kiện, phù hợp với nhu cầu thực tiễn.

10.3.2. PRS331. Kỹ năng dẫn chương trình. 03 TC

- Tên Tiếng Anh: **Program hosting skills**

- Số tín chỉ/ Loại giờ TC (LT- HĐTL/TL/TH-TN/TH): 03/ (30/30/0/90)

- Học phần tiên quyết: Kỹ năng giao tiếp.

- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần cung cấp kiến thức và kỹ năng giao tiếp, rèn luyện giọng nói, ngôn ngữ cơ thể, và cách truyền tải thông điệp rõ ràng, cuốn hút. Lập kế hoạch nội dung chương trình, viết lời dẫn, và điều phối thời gian. Kỹ thuật thu hút, tạo không khí sôi động, và xử lý các tình huống bất ngờ, xây dựng sự tự tin, kiểm soát cảm xúc, và tạo ấn tượng chuyên nghiệp. Qua học phần này, sinh viên sẽ phát triển về năng lực ngôn ngữ, khả năng ứng biến linh hoạt và làm chủ sân khấu.

10.3.3. EVD 331. Đạo diễn sự kiện. 03 TC

- Tên Tiếng Anh: **Event director**

- Số tín chỉ/ Loại giờ TC (LT- HĐTL/TL/TH-TN/TH): 03/ (30/30/0/90)

- Học phần tiên quyết: Tổ chức và quản trị sự kiện

- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần trang bị kiến thức và kỹ năng để sáng tạo, chỉ đạo và quản lý các sự kiện một cách chuyên nghiệp và ấn tượng. Học phần giúp người học phát triển ý tưởng, xây dựng concept và kịch bản tổng thể cho sự kiện. Thiết kế dòng chảy chương trình, phối hợp các yếu tố như ánh sáng, âm thanh, và hiệu ứng sân khấu. Hình thành kỹ năng chỉ đạo, điều hành, ứng phó linh hoạt với các vấn đề phát sinh trong quá trình tổ chức và biểu diễn.

10.3.4. FAS331. Gây quỹ và vận động tài trợ. 03 TC

- Tên Tiếng Anh: **Fundraising and sponsorship**

- Số tín chỉ/ Loại giờ TC (LT- HĐTL/TL/TH-TN/TH): 03/ (30/30/0/90)

- Học phần tiên quyết: không

- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần tập trung vào việc trang bị kiến thức và kỹ năng để huy động nguồn lực tài chính và tài trợ cho các sự kiện. Giúp người học hiểu các hình thức gây quỹ (trực tiếp, trực tuyến, sự kiện gây quỹ) và vai trò trong tổ chức sự kiện. Lập đề xuất tài trợ (sponsorship proposal), xác định đối tượng tài trợ và giá trị họ nhận được. Giao tiếp, thương lượng với nhà tài trợ, và xây dựng mối quan hệ đối tác lâu dài. Quảng bá sự kiện để thu hút tài trợ và tạo sự chú ý từ cộng đồng. Phân bổ và sử dụng hiệu quả nguồn vốn từ gây quỹ và tài trợ.

Chuyên ngành Báo chí - Truyền thông số

10.3.1. RAR431. Sản xuất tác phẩm phát thanh. 03 TC

- Tên Tiếng Anh: **Radio production**

- Số tín chỉ/ Loại giờ TC (LT- HĐTL/TL/TH-TN/TH): 03/ (30/30/0/90)

- Học phần tiên quyết: không

- Tóm tắt nội dung học phần: Sản xuất tác phẩm phát thanh là môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cách viết kịch bản và biên tập một tác phẩm phát thanh hoặc một chương trình phát thanh, đồng thời rèn luyện cho sinh viên kỹ năng thực hiện từng thể loại tác phẩm, chương trình phát thanh. Từ đó giúp sinh viên có đầy đủ năng lực làm việc tại các cơ quan văn hóa, đài truyền hình, cơ quan báo chí.

10.3.2. GIK331 - Sản xuất tác phẩm truyền hình. 03 TC

- Tên Tiếng Anh: Production of Television Works

- Số tín chỉ/ Loại giờ TC (LT- HĐTL/TL/TH-TN/TH): 03/ (30/30/0/90)

- Học phần tiên quyết: Cơ sở lý luận báo chí – truyền thông; Tác phẩm báo chí; Pháp luật và đạo đức báo chí - truyền thông;

- Tóm tắt nội dung học phần: Sản xuất tác phẩm truyền hình là môn học trang bị cho sinh viên kiến thức nền tảng về báo chí truyền hình. Qua môn học này, ngoài phần lý thuyết, sinh viên được trang bị các kỹ năng trong viết kịch bản, quay phim, dựng phim và thực hiện các công việc của một biên tập viên, phóng viên truyền hình trong sáng tạo tác phẩm.

10.3.3. TRN231. Kỹ thuật chạy quảng cáo trên mạng xã hội. 03 TC

- Tên Tiếng Anh: Social Media Advertising Techniques

- Số tín chỉ/ Loại giờ TC (LT- HĐTL/TL/TH-TN/TH): 03/ (30/30/0/90)

- Học phần tiên quyết: không

- Tóm tắt nội dung học phần:

Môn học cung cấp kiến thức và kỹ năng về việc thiết kế và triển khai các chiến dịch quảng cáo trên các nền tảng mạng xã hội như Facebook và TikTok. Sinh viên sẽ được hướng dẫn cách xây dựng chiến lược quảng cáo, lựa chọn đối tượng mục tiêu, tối ưu hóa ngân sách, và sử dụng các công cụ phân tích dữ liệu để đo lường hiệu quả chiến dịch. Môn học cũng sẽ đi sâu vào các kỹ thuật chạy quảng cáo như tạo quảng cáo hấp dẫn, quản lý chiến dịch, và tối ưu hóa kết quả quảng cáo dựa trên các chỉ số quan trọng. Các phương pháp nâng cao để tăng cường sự tương tác và chuyển đổi từ quảng cáo trên mạng xã hội cũng sẽ được thảo luận.

10.3.4. ELP 331 Báo điện tử. 03 TC

- Tên Tiếng Anh: Online Newspaper

- Số tín chỉ/ Loại giờ TC (LT- HĐTL/TL/TH-TN/TH): 03/ (30/30/0/90)

- Học phần tiên quyết: Cơ sở lý luận báo chí truyền thông; Tác phẩm báo chí

- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Báo điện tử cung cấp cho sinh viên chuyên ngành báo chí những kiến thức cơ bản về những kỹ năng làm báo báo điện tử. Sinh viên



sẽ được cung cấp và thực hành các kỹ năng viết tin, bài cho báo điện tử; được thảo luận về các vấn đề của báo điện tử hiện nay, đặc biệt là những vấn đề có liên quan trực tiếp đến kỹ năng tác nghiệp báo chí. Cụ thể: Giới thiệu các khái niệm cơ bản và liên quan của báo điện tử, lịch sử phát triển cùng đặc trưng của báo điện tử. Những khái niệm và đặc trưng về thể loại báo điện tử, các loại báo điện tử trong thời đương đại. Thao tác thiết kế các trang web phục vụ cho việc thông tin của báo điện tử phiên bản và báo điện tử chính thống. Học phần cũng tạo cơ sở để sinh viên tiếp xúc và từng bước vận dụng các kiến thức đã học vào các công việc của cơ quan báo chí và các cơ quan khác như làm công tác biên tập, sản xuất các thể loại báo điện tử.

KHOI KIẾN THỨC CNTT VÀ TRUYỀN THÔNG SỐ

10.4.1. GIF131. Tin học đại cương. 03 TC

- Tên Tiếng Anh: Computer Science
- Số tín chỉ/ Loại giờ TC (LT- HĐTL/TL/TH-TN/TH): 03/ (30/30/0/90)
- Học phần tiên quyết: không

- Tóm tắt nội dung học phần: Trang bị cho SV các kiến thức về tin học theo chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản như phần cứng, phần mềm máy tính và hệ điều hành. Nắm được kiến thức về các loại máy tính, kiến trúc phần cứng và nguyên lý hoạt động của máy tính, cũng như các nguyên tắc xử lý sự cố máy tính cơ bản; Người học có kỹ năng cần thiết để soạn thảo và trình bày một văn bản hoàn chỉnh, đồng thời sử dụng được một số công cụ phụ trợ nhằm xử lý văn bản nhanh hơn bằng ứng dụng Microsoft Word; Biết, hiểu và sử dụng thành thạo công cụ Microsoft Excel để tính toán, thống kê, phân tích... Có kiến thức và kỹ năng cần thiết để làm việc hiệu quả với phần mềm trình chiếu Microsoft PowerPoint. Từ đó, có thể sử dụng các tính năng cơ bản phần mềm này để tạo ra các bài trình chiếu, báo cáo cuốn hút và chuyên nghiệp. Biết được mạng máy tính và Internet là gì? Hiểu rõ tầm quan trọng của Internet trong việc học tập và cuộc sống hàng ngày, giúp người học sử dụng Internet an toàn và hiệu quả hơn.

10.4.2. EOM231. Thiết kế và quản trị nội dung website. 03 TC

- Tên Tiếng Anh: Website design and management
- Số tín chỉ/ Loại giờ TC (LT- HĐTL/TL/TH-TN/TH): 03/ (30/30/0/90)
- Học phần tiên quyết: không

- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Thiết kế và quản trị nội dung website được tập trung vào hai khía cạnh quan trọng trong việc vận hành một trang web hiệu quả. Thiết kế website tập trung vào việc tạo ra giao diện trực quan và thân thiện với người dùng, trong khi quản trị nội dung liên quan đến việc tạo, biên tập, và cập nhật nội dung để thu hút và giữ chân người truy cập. Người học được giảng dạy các kỹ năng để thiết kế website tốt giúp người dùng dễ dàng tìm thấy và tiếp cận nội dung, trong khi nội dung hấp dẫn sẽ giữ chân người dùng ở lại website lâu hơn.

10.4.3. MPD331. Thiết kế sản phẩm đa phương tiện với trí tuệ nhân tạo. 03 TC



- Tên Tiếng Anh: **Designing Multimedia Products with AI**
- Số tín chỉ/ Loại giờ TC (LT- HĐTL/TL/TH-TN/TH): 03/ (30/30/0/90)
- Học phần tiên quyết: không

- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần *Thiết kế sản phẩm đa phương tiện với trí tuệ nhân tạo* cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng ứng dụng các công cụ AI hiện đại trong quy trình sáng tạo và phát triển sản phẩm đa phương tiện. Sinh viên sẽ được tìm hiểu cách tích hợp trí tuệ nhân tạo vào các lĩnh vực như thiết kế đồ họa, xử lý hình ảnh, âm thanh, video, nội dung số và tương tác người dùng.

Thông qua các dự án thực hành, sinh viên sẽ học cách sử dụng các nền tảng và công cụ AI (như Midjourney, DALL·E, Runway, ChatGPT, Synthesia...) để tạo ra sản phẩm truyền thông trực quan, hiệu quả và có khả năng cá nhân hóa cao. Môn học cũng giúp người học hiểu rõ các nguyên tắc đạo đức, bản quyền và tác động xã hội của việc sử dụng AI trong sáng tạo nội dung.

10.4.4. SOM231. Truyền thông mạng xã hội. 03 TC

- Tên Tiếng Anh: Social Media Communication
- Số tín chỉ/ Loại giờ TC (LT- HĐTL/TL/TH-TN/TH): 03/ (30/30/0/90)
- Học phần tiên quyết: không
- Tóm tắt nội dung học phần:

Môn học này cung cấp kiến thức và kỹ năng về lý thuyết và thực tiễn của truyền thông qua các nền tảng mạng xã hội, bao gồm Facebook, Instagram, Twitter, LinkedIn, và TikTok. Sinh viên sẽ nghiên cứu các chiến lược truyền thông số và cách thức ứng dụng các mô hình truyền thông hiện đại để xây dựng và phát triển mối quan hệ giữa thương hiệu và người tiêu dùng. Môn học sẽ tập trung vào việc phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả truyền thông, bao gồm nội dung, đối tượng mục tiêu, và phương thức tương tác. Các kỹ thuật và công cụ đo lường hiệu quả chiến dịch truyền thông mạng xã hội, bao gồm việc đánh giá các chỉ số như độ tương tác, phạm vi tiếp cận, và sự chuyển đổi, cũng sẽ được nghiên cứu. Thêm vào đó, môn học cũng bao gồm việc phân tích các chiến lược quản lý khủng hoảng truyền thông trong môi trường mạng xã hội và cách thức ứng phó với các vấn đề phát sinh.

10.4.5. WSP331. Kỹ năng viết báo bằng Prompts. 03 TC

- Tên Tiếng Anh: **Journalism Writing Skills Using Prompts**
- Số tín chỉ/ Loại giờ TC (LT- HĐTL/TL/TH-TN/TH): 03/ (30/30/0/90)
- Học phần tiên quyết: không

- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần **Kỹ năng viết báo bằng Prompts** trang bị cho sinh viên báo chí kiến thức và kỹ năng sử dụng các công cụ AI, đặc biệt là cách viết prompt, để nâng cao hiệu quả viết bài báo theo các thể loại khác nhau. Nội dung bao gồm: khái niệm và cách thiết kế prompt hiệu quả, ứng dụng các công cụ AI trong nghiên cứu,

soạn thảo và chỉnh sửa bài báo, cũng như kỹ năng kiểm chứng thông tin từ AI. Sinh viên thực hành viết bài báo dựa trên prompt, phân tích dữ liệu, và sáng tạo các tác phẩm báo chí theo các thể loại. Phương pháp giảng dạy kết hợp lý thuyết, thực hành nhóm, và phân tích bài báo thực tế. Học phần phát triển tư duy sáng tạo, kỹ năng viết chuyên nghiệp, và sử dụng công nghệ trong báo chí hiện đại.

KHỐI KIẾN THỨC NGHIỆP VỤ, THỰC TẾ, THỰC TẬP, KHÓA LUẬN TN/HỌC PHẦN THAY THẾ

10.5.1. PEC331. Thực tế chuyên môn. 03 TC

- Tên Tiếng Anh: **Professional practice**

- Số tín chỉ/ Loại giờ TC (LT- HĐTL/TL/TH-TN/TH): 03/ (0/0/90/90)

- Học phần tiên quyết: không

- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần sẽ giúp người học áp dụng kiến thức lý thuyết vào môi trường làm việc thực tế như: Làm việc tại tòa soạn, đài truyền hình, hoặc công ty truyền thông để trải nghiệm quy trình sản xuất tin tức, chương trình. Thực hành viết bài, biên tập, phỏng vấn, quay phim, chụp ảnh, hoặc sản xuất nội dung đa phương tiện. Tham gia lập kế hoạch, thực hiện và đánh giá các chiến dịch truyền thông hoặc sự kiện. Học phần giúp người học phát triển kỹ năng thực tiễn và khả năng thích nghi với môi trường làm việc chuyên nghiệp.

10.5.2. PEN431. Thực tập tốt nghiệp. 03 TC

- Tên Tiếng Anh: **Graduation internship**

- Số tín chỉ/ Loại giờ TC (LT- HĐTL/TL/TH-TN/TH): 03/ (0/0/90/90)

- Học phần tiên quyết: không

- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần giúp người học áp dụng toàn bộ kiến thức và kỹ năng đã học vào môi trường làm việc thực tế, chuẩn bị cho việc tốt nghiệp và bước vào nghề. Làm việc tại tòa soạn báo, đài truyền hình/radio, công ty truyền thông, agency. Tham gia sản xuất nội dung (bài viết, phóng sự, video, nội dung số), biên tập. Rèn luyện kỹ năng phỏng vấn, nghiên cứu, biên tập, quay dựng, và phối hợp với đội ngũ chuyên nghiệp để tạo ra các sản phẩm báo chí - truyền thông.

LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ

PHÒNG ĐÀO TẠO

HIỆU TRƯỞNG


Phạm Chiến Thắng


Vũ Xuân Hòa


KIỂM DUYỆT
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
PGS.TS. Phạm Thế Linh